

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST
Ngày: 26-8-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẮC KẠN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nguyệt Thu**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Ma Ngọc Vũ** và bà **Nông Thị Hiệp**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Kim Dung** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Bàn Thị Tiên** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 35/2022/TLST- DS ngày 21 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** **Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam**. Địa chỉ: Tháp BIDV số 194 Tr, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hồng Th – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh B. Có mặt.

- ***Bị đơn:*** **Lê Anh V**, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là

Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (sau đây viết tắt là Ngân hàng) trình bày:

Căn cứ đề nghị vay vốn ngày 09/01/2020 của ông Lê Anh V, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh B (sau đây gọi tắt là “BIDV Bắc Kạn”) và ông Lê Anh V có ký Hợp đồng tín dụng số: 01/2020/11055207/HĐTD ngày 16/01/2020, với số tiền là 200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng./.); Thời hạn vay: 96 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn: 11%/năm (được áp dụng tới ngày 16/07/2020) và sau đó lãi suất cho vay được điều chỉnh 06 tháng/lần theo nguyên tắc: Lãi suất cho vay = Lãi suất tiết kiệm 12TH + 4,6%; Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn. Ông Lê Anh V đã nhận đầy đủ tiền vay theo hợp đồng tín dụng nói trên.

- Lịch trả nợ:

+ Kỳ hạn trả nợ gốc: Định kỳ 03 tháng trả 1 lần vào ngày 15 các tháng 01, 04, 07, 10.

Số tiền gốc trả mỗi kỳ: 6.250.000 đồng + Kỳ đầu tiên bắt đầu trả là ngày 15/04/2020.

Trả lãi: Định kỳ 01 tháng/ lần, trả vào ngày 15 hằng tháng.

Biện pháp bảo đảm: Thế chấp quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

Thế chấp quyền sử dụng đất tại Thôn 4a (Nay là thôn N), xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số V 343764 do UBND Huyện B cấp ngày 05/12/2002, số vào sổ cấp GCN 00306 QSDĐ/666/12/2002 mang tên Hộ ông Lê Sỹ C đã được chính thức thừa kế cho ông Lê Anh V tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Văn phòng đăng ký đất đai huyện B ngày 30/12/2019, diện tích 1464,1 m² trong đó đất ở tại nông thôn: 400 m², đất trồng cây lâu năm 1064,1 m² tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 12; theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 01/2020/11055207/HĐBĐ ngày 09/01/2020 ký giữa ông Lê Anh V với BIDV Bắc Kạn (Hợp đồng đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định).

Đến kỳ hạn trả nợ (từ ngày 15/07/2021), ông Lê Anh V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, mặc dù Ngân hàng đã rất nhiều lần làm việc, yêu cầu ông Lê Anh V trả nợ gốc và lãi nhưng ông Lê Anh V vẫn không trả, đã cố tình vi phạm hợp đồng đã ký kết. Khoản vay của ông Lê Anh V đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 15/07/2021.

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu ông Lê Anh V phải trả số tiền còn nợ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số

01/2020/11056207/HĐTD ngày 16/01/2020, số nợ tính đến ngày 24/02/2022 với tổng số tiền là: 169.884.522đ (Một trăm sáu mươi chín triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn, năm trăm hai mươi hai đồng). Trong đó: nợ gốc: 165.950.000đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng); nợ lãi: 3.650.888đ (Ba triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng); nợ lãi quá hạn: 283.634đ (Hai trăm tám mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi tư đồng) và các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh cho đến khi ông Lê Anh V thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng.

Ngày 07/03/2022, Ngân hàng có thu được một phần gốc là 4.000.000 đồng từ tài khoản thanh toán của ông Lê Anh V. Từ đó đến nay ông Lê Anh V không trả thêm được đồng nào.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông Lê Anh V phải trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/11056207/HĐTD ngày 16/01/2020 tính đến ngày **26/8/2022** (ngày xét xử sơ thẩm) tổng số tiền là **175.330.478** đồng, trong đó: Nợ gốc: 161.950.000 đồng, nợ lãi: 12.594.597 đồng, nợ lãi quá hạn: 785.881 đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/8/2022 đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp ông Lê Anh V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng đã ký kết thì Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2020/11055207/HĐBĐ ngày 09/01/2020 để thu hồi nợ, cụ thể là: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 93, tờ bản đồ số 12, diện tích 1464,1 m² trong đó đất ở tại nông thôn: 400 m², đất trồng cây lâu năm 1064,1 m² tại Thôn 4a (Nay là thôn N), xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số V 343764 do UBND Huyện B cấp ngày 05/12/2002, sổ vào sổ cấp GCN 00306 QSDĐ/666/12/2002 mang tên Hộ ông Lê Sỹ C đã được đính chính thừa kế cho ông Lê Anh V tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Văn phòng đăng ký đất đai huyện B ngày 30/12/2019.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo thụ lý vụ án và gửi cho bị đơn đồng thời đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo

quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể vắng mặt tại tất cả các lần Tòa án triệu tập.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam.

Về án phí và chi phí tố tụng: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam khởi kiện bị đơn anh Lê Anh V có địa chỉ tại: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn về việc thực hiện hợp đồng tín dụng. Yêu cầu này là phù hợp với quy định của pháp luật, do đó xác định đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

* Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng: Ngày 16/01/2020, ông Lê Anh V và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh B đã ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2020/11056207/HĐTD, số tiền vay là: 200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng); mục đích vay: Trả tiền mua sắm đồ dùng gia đình; thời hạn vay: 96 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn: 11%/năm (được áp dụng tới ngày 16/07/2020) và sau đó lãi suất cho vay được điều chỉnh 06 tháng/lần theo nguyên tắc: Lãi suất cho vay = Lãi suất tiết kiệm 12TH + 4,6%; Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận là 10%/ năm x số lãi chậm trả x thời gian chậm trả thực tế.

Hợp đồng tín dụng này có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Điều 116, Điều 117, Điều 119 Bộ luật Dân sự. Các bên tham gia ký kết Hợp đồng đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, nội dung và mục

đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hợp đồng tín dụng trên là hợp pháp, có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo các thỏa thuận đã ký trong Hợp đồng.

* Xét việc thực hiện Hợp đồng của các bên và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền nợ gốc, khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn toàn bộ số tiền vay theo Ủy nhiệm chi ngày 16/01/2020. Về phía bị đơn, sau khi vay đã trả cho nguyên đơn một phần nợ gốc và tiền lãi, tuy nhiên sau đó vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng. Do đó nguyên đơn đã thu hồi nợ trước hạn và khởi kiện tại Tòa án là có căn cứ theo Điều 9 của Điều khoản và điều kiện vay (Đính kèm hợp đồng tín dụng) đã ký kết và đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 26/8/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) tổng số tiền là 175.330.478 đồng (Một trăm bảy mươi năm triệu, ba trăm ba mươi nghìn, bốn trăm bảy mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc: 161.950.000 đồng, nợ lãi: 12.594.597 đồng, nợ lãi quá hạn: 785.881 đồng và khoản tiền lãi kể từ ngày 27/8/2022 đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Xét thấy, yêu cầu trên của nguyên đơn là phù hợp với nội dung của hợp đồng tín dụng đã ký kết, ủy nhiệm chi, chứng từ giải ngân, sao kê lịch trả nợ và sao kê tài khoản chi tiết trả nợ gốc, lãi theo lịch trình đã trả và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Lãi suất do nguyên đơn yêu cầu phù hợp với quy định trong hợp đồng ký kết giữa các bên, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp qui định về áp dụng mức lãi suất của Ngân hàng nhà nước tại thời điểm vay và qui định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự. Do vậy, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng: Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, ông Lê Anh V đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất của thửa đất số 93, tờ bản đồ số 12, diện tích 1464,1 m² trong đó đất ở tại nông thôn: 400 m², đất trồng cây lâu năm 1064,1 m² tại Thôn 4a (Nay là thôn N), xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số V 343764 do UBND Huyện B cấp ngày 05/12/2002, sổ vào sổ cấp GCN 00306 QSDĐ/666/12/2002 mang tên Hộ ông Lê Sỹ C đã được đính chính thừa kế cho ông Lê Anh V tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Văn phòng đăng ký đất đai huyện B ngày 30/12/2019, thế chấp cho Ngân hàng. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2020/11055207/HĐBĐ ngày 09/01/2020 ký giữa ông Lê

Anh V và Ngân hàng được Văn phòng công chứng số 1 tỉnh Bắc Kạn chứng nhận số công chứng 58, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 13-01-2020; được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Bắc Kạn ngày 14-01-2020. Hợp đồng thế chấp nêu trên thể hiện ý chí của các bên, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất thế chấp. Xác định ông Lê Anh V là người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu tài sản trên đất nên yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là có căn cứ theo quy định tại Điều 325 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét thấy, về hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp, trình tự và thẩm quyền đăng ký thế chấp là phù hợp theo quy định tại các Điều 317, 318, 319 của Bộ luật Dân sự năm 2015, có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định nên Hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý và có hiệu lực pháp luật. Trong Hợp đồng thế chấp có giao kết về quyền và nghĩa vụ của các bên, điều kiện, thời hạn và phương thức xử lý tài sản thế chấp khi nghĩa vụ đến hạn mà người vay nợ không thực hiện. Do đó, Ngân hàng yêu cầu nếu ông Lê Anh V không tự nguyện trả nợ, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo các điều 117, 298, 299, 500 và 502 của BLDS năm 2015; Điều 167 Luật đất đai năm 2013; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) và Tòa án đã chi xong.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.766.500 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; các Điều 147; 157; 158; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 298, 299, 317, 318, 319, 325, 463, 466, 500 và 502 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167 Luật đất đai năm 2013; các Điều 91

và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Anh V có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh B số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2020/11055207/HĐTD ngày 16/01/2020, tổng số tiền tính đến ngày 26/8/2022 là: **175.330.478** đồng (Một trăm bảy mươi năm triệu, ba trăm ba mươi nghìn, bốn trăm bảy mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc: 161.950.000 đồng, nợ lãi: 12.594.597 đồng, nợ lãi quá hạn: 785.881 đồng.

Ông Lê Anh V phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 27/8/2022 đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Lê Anh V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh B có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/2020/11055207/HĐBĐ ngày 09/01/2020 ký giữa ông Lê Anh V và Ngân hàng để thu hồi nợ, cụ thể là:

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 93, tờ bản đồ số 12, diện tích 1464,1 m² trong đó đất ở tại nông thôn: 400 m², đất trồng cây lâu năm 1064,1 m² tại Thôn 4a (Nay là thôn N), xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số V 343764 do UBND Huyện B cấp ngày 05/12/2002, sổ vào sổ cấp GCN 00306 QSDĐ/666/12/2002 mang tên Hộ ông Lê Sỹ C, đã được đính chính thừa kế cho ông Lê Anh V tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Văn phòng đăng ký đất đai huyện B ngày 30/12/2019.

3. Về chi phí tố tụng khác: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng), xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và Tòa án đã chi xong.

4. Về án phí: Ông Lê Anh V phải chịu 8.766.500 đồng (*Tám triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 4.247.000 đồng (*Bốn triệu, hai trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*) Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002086 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nguyệt Thu